

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 398/2023/HS-ST
Ngày: 22-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn;

Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 412/2023/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 540/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

1. La O P, sinh năm 2005 tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn M, xã P, huyện S, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Mo B (tên gọi khác La O B1) và bà La O Thị N (tên gọi khác La O T); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không. Bị bắt tạm giam ngày 28 tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Có mặt.

2. Nguyễn Trường H, sinh năm 1994 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không. Bị bắt tạm giam ngày 28 tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Có mặt.

3. Lê Bích X, sinh năm 1990 tại tỉnh Cà Mau; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau; nơi ở hiện tại: C, khu phố B, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn P1 và bà Nguyễn Thị Phúc G (tên gọi khác Nguyễn Thị Bích G1); có chồng là Trương Văn C và 01 người

con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không. Bị cáo tại ngoại, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú: D, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Trương Văn A, sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú: K, khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Trường H và bị cáo La O P là bạn bè quen biết nhau khoảng hơn 01 tháng và cả hai đều nghiện ma túy, đã từng cùng nhau sử dụng ma túy. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/05/2023, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên bị cáo P gọi điện thoại qua mạng xã hội zalo có tên tài khoản “Nguyễn Phi” đến cho bị cáo H có tên tài khoản “Sau Thương Là Đau”, nội dung bị cáo P nói với bị cáo H là “Em có hai xì nè, hai anh em mình hùn tiền đi mua đồ về chơi”, bị cáo H trả lời “Uh”. Sau đó, bị cáo P điều khiển xe mô tô, kiểu dáng Dream, biển số 93T2-9825 đi từ phòng trọ tại phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai đến đón bị cáo H ở ấp T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, khi đến chỗ của bị cáo H thì bị cáo P đưa xe mô tô cho bị cáo H điều khiển và chở bị cáo P cả hai cùng đi mua ma túy về sử dụng. Đi đến khu vực gần ngã ba C thuộc phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo P đưa cho bị cáo H 200.000 đồng, lúc này bị cáo H nói với bị cáo P đứng ở ngoài đường đợi vì bị cáo P là người lạ nếu đi chung vào thì người bán ma túy sẽ nghi ngờ. Sau đó, bị cáo H chạy xe mô tô đến trước nhà số A khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương và dừng xe, bị cáo H gọi vọng vô nhà kêu “chị ba ơi” vì trước đây bị cáo H đã từng mua ma túy ở đây về sử dụng nên gọi như vậy thì người bán ma túy sẽ biết. Sau đó, ông Nguyễn Văn L từ trong nhà đi ra hỏi bị cáo H là “lấy đồ há” và bị cáo H nói “lấy cho em 250.000 đồng ma túy đá”, sau khi nghe bị cáo H nói vậy thì ông L đi vào nhà nói với bị cáo Lê Bích X sống cùng nhà với ông L, bị cáo X từ trong nhà đi ra gặp và đưa cho bị cáo H 01 gói nylon miệng hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng là ma túy đá, bị cáo H lấy ma túy và đưa cho bị cáo X số tiền 250.000 đồng (gồm 200.000 đồng của bị cáo P và 50.000 đồng của bị cáo H) và sau đó bị cáo H nói với bị cáo X là hết tiền đổ xăng rồi thì bị cáo X đi vào nhà rồi quay ra đưa lại cho bị cáo H 20.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, bị cáo H cầm trong lòng tay trái rồi điều khiển xe mô tô chạy ra ngoài chờ bị cáo P, bị cáo H đưa ma túy cho bị cáo P cầm trong lòng bàn tay phải, còn bị cáo H chở bị cáo P đi về. Trên đường về, bị cáo H và bị cáo P đi đến trước cổng bến xe buýt T, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng tuần tra yêu cầu dừng xe kiểm tra bắt quả tang bị cáo P đang cất giữ ma túy trong lòng bàn tay phải. Công an phường B đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo H, bị cáo P, thu giữ tang vật và lập hồ sơ vụ việc chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xử lý theo quy định. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiến hành khám xét khẩn cấp nhà số A khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Qua khám xét không phát hiện có ma túy và không có mặt bị cáo X mà chỉ có ông L đang ở nhà. Quá

trình điều tra bị cáo H khai đã mua ma túy của bị cáo X 02 lần (lần 1 cách lần 2 ngày 27/5/2023 khoảng một tuần không nhớ rõ ngày), còn ông L khai nhận không quen biết và không bán ma túy cho bị cáo H, cũng không có nói với bị cáo H là “lấy đồ hủ” mà bị cáo H chỉ gọi “chị ba ơi” tức là bị cáo X, ông L biết bị cáo H tìm bị cáo X nên sau đó ông L vào nói với bị cáo X là “có người hỏi”, ông L không biết bị cáo H gặp bị cáo X để mua ma túy và số tiền bán ma túy bị cáo X cũng không có đưa cho ông L.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 13/07/2023, bị cáo X đến Công an phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương đầu khú khai nhận bị cáo X đã bán ma túy cho bị cáo H 02 lần (lần 1 cách lần 2 ngày 27/5/2023 là khoảng 01 tuần, không nhớ rõ ngày). Số ma túy bán cho bị cáo H do bị cáo X mua 300.000 đồng của một người tên T1 tại địa chỉ K khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, mục đích bị cáo X mua ma túy về để sử dụng một ít (đã sử dụng hết), phần còn lại ai mua thì bán, khi mua ma túy, bị cáo X đã dùng điện thoại gọi điện trực tiếp vào máy điện thoại của T1 nhưng tại thời điểm bị cáo X đầu thú thì chiếc điện thoại dùng để liên lạc với T1 đã bị mất. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiến hành khám xét khẩn cấp địa chỉ của T1 tại địa chỉ K khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tại thời điểm khám xét không có T1 nhưng có ông Trương Văn A là cha ruột của T1, ông A cho biết không biết việc T1 tàng trữ ma túy. Qua khám xét, thu giữ 05 túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng và 01 cân tiểu ly, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và 16 cây nỏ thủy tinh. Quá trình làm việc với ông A khai nhận về số chất tinh thể màu trắng và nỏ thủy tinh thu giữ tại địa chỉ K khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là của Trương Tấn T2 con ruột của ông A nhưng hiện ông A không rõ T2 đi đâu, làm gì, với ai và ông A cũng không biết chất tinh thể màu trắng nêu trên là gì, do ông A chứng kiến việc khám xét phát hiện số chất tinh thể này trong phòng ngủ của T2 nên ông A nghĩ là của T2, chứ ông A không biết T2 mang số chất tinh thể màu trắng và nỏ thủy tinh về nhà cất giấu.

Tang vật thu giữ:

- 01 gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng;
- 05 túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng và 01 cân tiểu ly, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và 16 cây nỏ thủy tinh.
- 01 xe mô tô biển số 93T2-9825;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A5 số sim 0927866288 của La O P;
- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno6 số sim 0703128449 của Nguyễn Trường H

Tại Bản Kết luận giám định số 286 ngày 02/06/2023, của Phòng K Công an tỉnh B, Kết luận như sau:

- Chất tinh thể màu trắng thu giữ của bị cáo H và bị cáo P là ma túy Methamphetamine có khối lượng là 0,1885 gam.

Tại Bản Kết luận giám định số 424 ngày 21/07/2023, của Phòng K Công an tỉnh B, Kết luận như sau:

- Các mẫu tinh thể màu trắng thu giữ tại địa chỉ K khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 7,6237 gam.

- Đối với mẫu tinh thể, có khối lượng: 36,4234 gam tìm không thấy loại ma túy thường gặp trong Danh mục chất ma túy (Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục và tiền chất).

Ngày 06/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra Quyết định khởi tố bị can La O P và bị can Nguyễn Trường H và Lệnh tạm giam đối với bị cáo P và bị cáo H để điều tra về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 24/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D ra Quyết định khởi tố bị can Lê Bích X và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo X để điều tra về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Ngày 01/08/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã có Công văn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai tiếp nhận xử lý theo thẩm quyền đối với số lượng 7,6237 gam Methamphetamine thu giữ tại địa chỉ K khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, tại Công văn số: 14972/CQĐT-MT, ngày 25/8/2023 của Công an thành phố B đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D tiếp tục làm rõ và điều tra xử lý số lượng 7,6237 gam Methamphetamine phát hiện thu giữ tại nơi ở của đối tượng T2 trong vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy; Tàng trữ trái phép chất ma túy” mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đang thụ lý giải quyết.

Ngày 23/10/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã Quyết định tách vụ án Hình sự số 28/QĐ-ĐCSKT-MT để điều tra, xác minh đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy xảy ra tại địa chỉ K khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đối với ông Nguyễn Văn L, không biết việc bị cáo X bán ma túy cho bị cáo H và ông L cũng không biết bị cáo H đến để hỏi mua ma túy. Do đó không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với ông L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51/QĐ-XPVPHC ngày 20/10/2023 đối với ông L.

Đối với Trương Văn A không biết việc trong nhà có tàng trữ ma túy. Khi khám xét ông A nghĩ thu trong phòng ngủ T2 thì là của T2. Do đó không đủ căn cứ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý hình sự đối với Trương Văn A.

Tại Bản cáo trạng số: 413/CT-VKS ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo như sau:

Truy tố bị cáo La O P về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Nguyễn Trường H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Truy tố bị cáo Lê Bích X về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H mức án từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo La O Phi mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Lê Bích X mức án từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cân tiểu ly, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 16 cây nỏ thủy tinh và số ma túy còn lại sau giám định là 7,6237 gam Methamphetamine và 36,4234 gam không phải là ma túy. Số vật chứng này thu giữ tại K Khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là vật chứng trong vụ án đã tách ra và cũng chưa xác định được có phải vật chứng trong vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” hay không nên đề nghị tịch thu, quản lý tại kho khi nào làm việc được với Trương Tấn T2 sẽ làm rõ xử lý theo quy định của Pháp luật.

Đối với số ma túy còn lại sau giám định là 0,1472 gam đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 93T2-9825; số khung: RNDDCGVND71002183; số máy: GZS150FMGJA00002183 của bị cáo P khai nhận mua của một người không rõ lai lịch và không có giấy tờ mua bán gì. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu xe mô tô là anh Lê Duy S, địa chỉ ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước tuy nhiên xác minh tại địa phương anh S đã chuyển hộ khẩu về số F ấp Đ, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện anh S đã bán nhà và đi đâu không rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành đăng 03 kỳ báo tìm chủ sở hữu của xe mô tô BS: 93T2-9825 nhưng cho đến nay không có ai đến liên hệ để làm việc đề nghị tịch thu, sung vào công quỹ nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 số sim 0927866288 của bị cáo P và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno6 số sim 0703128449 của bị cáo H dùng để liên lạc đi mua ma túy về sử dụng, đề nghị tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo X bán ma túy cho bị cáo H ngày 27/5/2023 là 280.000 đồng và số tiền 150.000 đồng bán trước đó 01 tuần. Đề nghị bị cáo X nộp xung vào công quỹ nhà nước.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo P và bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố đồng thời trong lời nói sau cùng các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo X thừa nhận hành vi phạm tội của mình, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và xin giảm nhẹ hình phạt do bị cáo đang mang thai và nuôi con nhỏ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có yêu cầu giải quyết vắng

mặt, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì đối với Bản kết luận điều tra và Cáo trạng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Bích X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Văn L và người làm chứng ông Trương Văn A vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo X, ông L và ông A đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Căn cứ vào các Điều 290, 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị cáo X, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L và người làm chứng ông A là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 27/5/2023, tại trước cổng bến xe buýt T, khu phố N, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, Công an phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo H và bị cáo P về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy khối lượng 0,1885 gam Methamphetamine đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cùng ngày 27/5/2023, tại địa chỉ nhà số A khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, bị cáo X có hành vi bán ma túy cho bị cáo H với số tiền 280.000 đồng nhằm mục đích kiếm lời. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo X khai trước đó cách lần bán ngày 27/5/2023 khoảng 01 tuần (không nhớ rõ ngày), bị cáo X có hành vi bán ma túy cho bị cáo H với số tiền 150.000 đồng, hành vi bán ma túy của bị cáo X đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét, lời khai nhận tội của bị cáo H và bị cáo P tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Bản kết luận giám định số 286 ngày 02/06/2023 của Phòng K Công an tỉnh B. Như vậy, hành vi của bị cáo H và bị cáo P mua ma túy đem về với mục đích để sử dụng với khối lượng 0,1885 gam, loại Methamphetamine đã đủ yếu tố cấu thành Tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo X có yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng lời khai nhận tội của bị cáo X trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo H và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi của bị cáo X bán ma túy 02 lần cho bị cáo H nhằm mục đích kiếm lời đã đủ yếu tố cấu thành Tội mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cáo trạng số 413/CT-VKS ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo H, bị cáo P và bị cáo X là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Văn L: Quá trình điều tra, ông L khai là ông L không quen biết và không bán ma túy cho bị cáo H, cũng không có nói với bị cáo H là “lấy đồ hủ” mà bị cáo H chỉ gọi “chị ba ơi” tức là bị cáo X, ông L biết bị cáo H tìm bị cáo X nên sau đó ông L vào nói với bị cáo X là “có người hỏi”, ông L không biết bị cáo H gặp bị cáo X để mua ma túy và số tiền bán ma túy bị cáo X cũng không có đưa cho ông L. Còn bị cáo X khai, việc bị cáo X bán ma túy cho bị cáo H thì ông L hoàn toàn không biết, cũng không biết bị cáo X mua ma túy của T2 và bán lại cho bị cáo H. Qua khám xét khẩn cấp nhà số A khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nhà ông L và bị cáo X đang ở) thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không phát hiện có ma túy. Do đó không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với ông L. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 51/QĐ-XPVPHC ngày 20/10/2023 đối với ông L.

Đối với Trương Văn A: Quá trình điều tra, bị cáo X khai mua ma túy của người tên T2 tại địa chỉ K khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Qua khám xét khẩn cấp địa chỉ của T2, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D thu giữ 05 túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng và 01 cân tiểu ly, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và 16 cây nỏ thủy tinh. Tại thời điểm khám xét không có T2, mà chỉ có ông Trương Văn A là cha ruột của T2, ông A không biết trong nhà có tàng trữ ma túy. Khi khám xét ông A nghĩ thu trong phòng ngủ T2 thì là của T2. Do đó không đủ căn cứ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý hình sự đối với Trương Văn A.

Đối với Trương Tấn T2: Quá trình điều tra, T2 không có mặt tại địa phương, ông A (cha ruột của T2) không rõ T2 đi đâu, làm gì, với ai. Do chưa lấy được lời khai của T2 để xác định vật chứng gồm: 05 túi nylon miệng kéo dính chứa chất tinh thể màu trắng và 01 cân tiểu ly, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá và 16 cây nỏ thủy tinh là của ai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã Quyết định tách vụ án Hình sự số 28/QĐ-ĐCSKT-MT, ngày 23/10/2023, để điều tra, xác minh đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy xảy ra tại địa chỉ K khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Việc tách vụ án không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án đối với các bị cáo H, P, X.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo H và bị cáo P thực hiện là nghiêm trọng. Tội phạm do bị cáo X thực hiện là rất nghiêm trọng. Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo H và bị cáo P thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo X thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện đang mang thai là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo là người có nhân thân tốt thể hiện các bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự. Tuy nhiên, các bị cáo đều nghiện ma túy.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 cân tiểu ly, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, 16 cây nỏ thủy tinh và số ma túy còn lại sau giám định là 7,6237 gam Methamphetamine và 36,4234 gam không phải là ma túy. Số vật chứng này thu giữ tại K Khu phố C, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai là vật chứng trong vụ án đã tách ra và cũng chưa xác định được có phải vật chứng trong vụ án “Mua bán trái phép chất ma túy” hay không nên tịch thu, quản lý tại kho khi nào làm việc được với Trương Tấn T2 sẽ làm rõ xử lý theo quy định của Pháp luật.

Đối với số ma túy còn lại sau giám định là 0,1472 gam, cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 93T2-9825, nhãn hiệu: JARGON, màu nâu, số loại: 100, dung tích xi lanh: 97, số máy: GZS150FMGJA00002183, số khung: RNDDCGVND71002183, số chỗ ngồi: 2, sản xuất năm 2007 của bị cáo La O P khai nhận mua của một người không rõ lai lịch và không có giấy tờ mua bán gì. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu xe mô tô là anh Lê Duy S, địa chỉ ấp P, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước tuy nhiên xác minh tại địa phương anh S đã chuyển hộ khẩu về số F ấp Đ, xã T, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện anh S đã bán nhà và đi đâu không rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã tiến hành đăng 03 kỳ báo tìm chủ sở hữu của xe mô tô BS: 93T2-9825 nhưng cho đến nay không có ai đến liên hệ để làm việc. Đây là phương tiện bị cáo P và bị cáo H dùng để phạm tội nên cần tịch thu, sung vào công quỹ nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A5 số sim 0927866288 của bị cáo P và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno6 số sim 0703128449 của bị cáo H dùng để liên lạc đi mua ma túy về sử dụng nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền bị cáo X bán ma túy cho bị cáo H ngày 27/5/2023 là 280.000 đồng và số tiền 150.000 đồng bán trước đó 01 tuần. Đây là số tiền bị cáo X thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo X nộp xung vào công quỹ nhà nước.

[8] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đưa ra đối với các bị cáo về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, về mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo P và bị cáo H là nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử quyết định hình phạt thấp hơn đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo La O P và bị cáo Nguyễn Trường H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo La O P 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 5 năm 2023.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28 tháng 5 năm 2023.

2. Tuyên bố bị cáo Lê Bích X phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 251; các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Bích X 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Tiếp tục áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 235/2023/HSST-LCĐKNCC ngày 20/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, kể từ khi tuyên án đến khi bị cáo Lê Bích X đi chấp hành án phạt tù.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là 0,1472 gam.

Tịch thu, sung vào công quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Dream biển số 93T2-9825, nhãn hiệu: JARGON, màu nâu, số loại: 100, dung tích xi lanh: 97, số máy: GZS150FMGJA00002183, số khung: RNDDCGVND71002183, số chỗ ngồi: 2, sản xuất năm 2007 của bị cáo La O Phi .

Tịch thu, sung vào công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo A5 số sim 0927866288 của bị cáo La O P và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Reno6 số sim 0703128449 của bị cáo Nguyễn Trường H.

Buộc bị cáo Lê Bích X nộp lại số tiền 430.000 đồng (bốn trăm ba mươi ngàn đồng) để sung vào công quỹ nhà nước.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo La O P, Nguyễn Trường H và Lê Bích X mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo La O P và bị cáo Nguyễn Trường H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Lê Bích X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------------|---|
| - Bị cáo; | 1 |
| - VKSND TP Dĩ An; | 1 |
| - Công an TP Dĩ An; | 2 |
| - Trại tạm giam CA tỉnh BD; | 1 |
| - Chi cục THADS TP Dĩ An; | 1 |
| - TAND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Sở tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú; | 1 |
| - Phòng PV 06 CA tỉnh BD; | 1 |
| - Phòng PC 10 CA tỉnh BD; | 2 |
| - Lưu: VT, HSVA. | |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2024/TB-TA

Dĩ An, ngày 16 tháng 01 năm 2024

**THÔNG BÁO
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN**

Căn cứ các Điều 45, 260 và 261 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Xét thấy Bản án hình sự sơ thẩm số: 398/2023/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của

Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Bình Dương có sai sót cần được sửa chữa, bổ sung như sau:

- Tại các dòng thứ 5, 39 từ trên xuống trang 6 và dòng thứ 7 từ trên xuống trang 9 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “... 280.000 đồng...”
- Tại dòng thứ 6 từ trên xuống trang 10 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “... 430.000 đồng (bốn trăm ba mươi ngàn đồng)...”
- Tại các dòng thứ 6, 7, 12 từ dưới lên trang 01 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “...Bị bắt tạm giam ngày 28 tháng 5 năm 2023 cho đến nay...”
- Tại các dòng thứ 14, 16 từ dưới lên trang 9 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “...tính từ ngày 28 tháng 5 năm 2023...”

Nay được sửa chữa, bổ sung như sau:

- Tại các dòng thứ 5, 39 từ trên xuống trang 6 và dòng thứ 7 từ trên xuống trang 9 của Bản án sơ thẩm nêu trên được sửa chữa: “... **250.000 đồng**...”
- Tại dòng thứ 6 từ trên xuống trang 10 của Bản án sơ thẩm nêu trên được sửa chữa: “... **400.000 đồng (bốn trăm ngàn đồng)**...”
- Tại các dòng thứ 6, 7, 12 từ dưới lên trang 01 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “...**Bị bắt tạm giam ngày 27 tháng 5 năm 2023 cho đến nay...**”
- Tại các dòng thứ 14, 16 từ dưới lên trang 9 của Bản án sơ thẩm nêu trên đã ghi: “...**tính từ ngày 27 tháng 5 năm 2023...**”

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP D;
- Công an TP D;
- Chi cục THADS TP D;
- Trại tạm giam CA tỉnh BD;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Phòng PV 06 CA tỉnh BD;
- Phòng PC 10 CA tỉnh BD;
- Lưu: VT, HSVA.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân

1
1
2
1
1
1
1
1
1
1
1
2

